

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN A
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 160/2024/ST – HNGĐ

Ngày 25 tháng 12 năm 2024

“V/v: Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con khi ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A – TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Lệ Hằng.

Hội thẩm nhân dân: Ông Cao Thanh Sâm và bà Phạm Thị Hồng Thảo.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoài Linh – Thư ký viên Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Phương Mai – Kiểm sát viên.

Ngày 25/12/2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 111/2024/TLST-HNGĐ ngày 03/10/2024 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 69/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 15/11/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2024/QĐ-TA ngày 28/11/2024 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Chị Trương Thị T – Sinh năm: 1995.

Nơi cư trú: Thôn 8, xã L, huyện A, tỉnh Nghệ An – Vắng mặt (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

*** Bị đơn:** Anh Nguyễn Đăng N – Sinh năm: 1989.

Nơi cư trú: Thôn 8, xã L, huyện A, tỉnh Nghệ An – Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Trương Thị T vắng mặt, nhưng trong đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án chị Trương Thị T trình bày:

Chị Trương Thị T và anh Nguyễn Đăng N kết hôn vào năm 2013, có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện A, tỉnh Nghệ An. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc và sinh được 3 con chung. Tuy nhiên, đến đầu năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân dẫn tới mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính cách không hợp nhau. Mâu thuẫn vợ chồng ngày

càng trầm trọng không hòa giải được, nên vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2023 cho đến nay. Hiện tại, vợ chồng không còn tình cảm với nhau nên chị T đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh N.

Về nuôi con chung: Vợ chồng có 03 con chung là Nguyễn Đăng K – Sinh ngày: 30/6/2013, Nguyễn Thị Bảo A – Sinh ngày: 16/6/2016 và Nguyễn Thị Bảo Ah – Sinh ngày: 01/01/2019. Từ khi ly thân, con Nguyễn Thị Bảo A sống cùng chị T, hai con Nguyễn Đăng K và Nguyễn Thị Bảo Ah sống cùng anh Nguyễn Đăng N. Nay ly hôn chị T có nguyện vọng tiếp tục nuôi con Nguyễn Bảo A và đề anh N nuôi 02 con Nguyễn Đăng K, Nguyễn Thị Bảo Ah. Chị T không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ: Chị Trương Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại phiên tòa bị đơn anh Nguyễn Đăng N vắng mặt, nhưng trong quá trình giải quyết vụ án anh Nguyễn Đăng N trình bày:

Anh Nguyễn Đăng N và chị Trương Thị T kết hôn vào năm 2013, có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện A, tỉnh Nghệ An. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc và sinh được 3 con chung. Trong cuộc sống có mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên chị T đã bỏ đi và hiện tại vợ chồng đã sống ly thân. Nay chị T yêu cầu được ly hôn thì anh N không đồng ý, nếu chị T vẫn nhất quyết ly hôn thì anh N đồng ý ly hôn và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về nuôi con chung: Vợ chồng có 03 con chung là Nguyễn Đăng K – Sinh ngày: 30/6/2013, Nguyễn Thị Bảo A – Sinh ngày: 16/6/2016 và Nguyễn Thị Bảo Ah – Sinh ngày: 01/01/2019. Nay ly hôn anh N có nguyện vọng nuôi cả 03 con và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ: Anh Nguyễn Đăng N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Trong quá trình giải quyết vụ án cháu Nguyễn Đăng K trình bày: Bố cháu là Nguyễn Đăng N, mẹ cháu là Trương Thị T. Nay bố, mẹ cháu ly hôn thì cháu muốn bố mẹ quay về làm lại từ đầu, nếu bố mẹ vẫn ly hôn thì cháu có nguyện vọng ở với bố Nguyễn Đăng N.

- Trong quá trình giải quyết vụ án cháu Nguyễn Thị Bảo A trình bày: Bố mẹ ly hôn thì cháu có nguyện vọng được ở với mẹ là Trương Thị T.

- Tại phiên Tòa đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện A phát biểu ý kiến về vụ án và về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án như sau:

Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng trình tự tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, bị đơn cố tình vắng mặt lần thứ 2 tại

phiên tòa nên Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự là có căn cứ. Nhìn chung vụ án đã được thụ lý, điều tra và xét xử đúng trình tự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 238, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Xử: Cho chị Trương Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Đăng N; Về nuôi con chung: Giao con chung Nguyễn Đăng K – Sinh ngày 30/6/2013 và Nguyễn Thị Bảo Ah – Sinh ngày: 01/01/2019 cho anh Nguyễn Đăng N trực tiếp nuôi dưỡng; Giao con chung Nguyễn Thị Bảo A – Sinh ngày 16/6/2016 cho chị Trương Thị T trực tiếp nuôi dưỡng; Anh Nguyễn Đăng N và chị Trương Thị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con; Về án phí: Chị Trương Thị T phải chịu án phí ly hôn theo quy định theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, bị đơn cư trú tại xã L, huyện A, tỉnh Nghệ An nên Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Nghệ An thụ lý và giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trương Thị T có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn cố tình vắng mặt. Nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự là có căn cứ.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trương Thị T và anh Nguyễn Đăng N kết hôn với nhau vào năm 2013, có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện A, tỉnh Nghệ An. Hôn nhân hợp pháp, đúng quy định của pháp luật.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc và sinh được 03 con, đến năm 2021 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân dẫn tới mâu thuẫn do nguyên nhân dẫn tới mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính cách không hợp nhau. Nên vợ chồng đã sống ly thân từ đầu năm 2023 cho đến nay. Nay chị T đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh N. Trong quá trình giải quyết

vụ án, anh Nguyễn Đăng N không đồng ý ly hôn, tuy nhiên nếu chị T vẫn nhất quyết ly hôn thì anh N cũng đồng ý ly hôn với chị T.

Xét thấy mục đích của hôn nhân là cùng nhau cùng nhau chăm lo cuộc sống, xây dựng gia đình hạnh phúc, nuôi con trưởng thành. Nhưng vợ chồng anh N chị T không cùng quan điểm nên không thể hòa hợp để xây dựng hạnh phúc gia đình. Hiện tại, mỗi người sống mỗi nơi, không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Anh N không muốn ly hôn nhưng không chủ động và không có phương pháp để bàn bạc chị T quay về đoàn tụ. Tình trạng vợ chồng đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không thể đạt được. Nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T là phù hợp với khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình cũng phù hợp với ý kiến của anh N cũng đồng ý ly hôn với chị T.

[2.2]. *Về nuôi con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con:* Chị Trương Thị T và anh Nguyễn Đăng N có 03 con chung là Nguyễn Đăng K – Sinh ngày: 30/6/2013, Nguyễn Thị Bảo A – Sinh ngày: 16/6/2016 và Nguyễn Thị Bảo Ah – Sinh ngày: 01/01/2019. Trong thời gian vợ chồng sống ly thân, chị T nuôi con Nguyễn Thị Bảo A, còn anh N nuôi con Nguyễn Đăng K, Nguyễn Thị Bảo Ah. Nay ly hôn, Chị T có nguyện vọng nuôi con Nguyễn Thị Bảo A, anh N có nguyện vọng nuôi cả ba con.

Xét nguyện vọng nuôi con của các đương sự là chính đáng, vì các đương sự đều đủ điều kiện nuôi con theo quy định của pháp luật. Trong quá trình giải quyết vụ án, cháu K trình bày có nguyện vọng ở với bố, cháu Bảo A có nguyện vọng ở với mẹ, còn cháu Bảo Ah chưa đủ tuổi để hỏi ý kiến và hiện tại đang ở với anh N, chị T cũng đồng ý để anh N nuôi 2 con là Nguyễn Đăng K và Nguyễn Thị Bảo Ah. Nên cần giao cháu Nguyễn Đăng K và Nguyễn Thị Bảo Ah cho anh Nguyễn Đăng N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; Giao cháu Nguyễn Thị Bảo A cho chị Trương Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là có căn cứ theo quy định tại Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình và phù hợp với nguyện vọng của các con.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị Trương Thị T và anh Nguyễn Đăng N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Nên Hội đồng xét xử không xét.

[2.3]. *Về tài sản chung và nợ:* Chị Trương Thị T và anh Nguyễn Đăng N không yêu cầu Toà án giải quyết. Nên Hội đồng xét xử không xét.

[2.4]. *Về án phí:* Chị Trương Thị T phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- **Áp dụng:** Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm b khoản 1 Điều 39; Khoản 1 Điều 227; Khoản 1 Điều 228; Khoản 1 Điều 238; Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Tuyên xử:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Cho chị Trương Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Đăng N.

Về nuôi con chung:

Giao con chung Nguyễn Đăng K – Sinh ngày: 30/6/2013 và Nguyễn Thị Bảo Ah – Sinh ngày: 01/01/2019 cho anh Nguyễn Đăng N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con đủ 18 tuổi, trưởng thành.

Giao con chung Nguyễn Thị Bảo A – Sinh ngày: 16/6/2016 cho chị Trương Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con đủ 18 tuổi, trưởng thành.

- **Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con:** Chị Trương Thị T và anh Nguyễn Đăng N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, khi có lý do chính đáng hoặc có căn cứ theo quy định của pháp luật, theo yêu cầu của một hoặc các bên thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- **Về tài sản chung và nợ:** Chị Trương Thị T và anh Nguyễn Đăng N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về án phí:** Chị Trương Thị T phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn (Đã nộp 300.000 đồng theo biên lai ngày 03/10/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện A, tỉnh Nghệ An).

- **Về quyền kháng cáo:** Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo lên Tòa án cấp trên trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND A;
- Chi cục THADS huyện A;
- UBND xã L, huyện A, tỉnh Nghệ An (Nơi đăng ký kết hôn);
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Hoàng Thị Lệ Hằng

